

CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ ĐỘNG HÓA TLTECH VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TỰ ĐỘNG HÓA TLTECH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM TLTECH AUTOMATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIETNAM TLTECH AUTOMATION JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 2400880401

3. Ngày thành lập: 03/01/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Xuân Tân 1, Xã Cao Xá, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 02046537666

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
2.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm khác từ cao su thiên nhiên và cao su tổng hợp, cao su chưa lưu hoá hoặc đã lưu hoá hoặc đã làm cứng như: + Đĩa cao su, tấm, mảnh, thanh cao su, + Ống, vòi cao su, + Sản xuất băng tải, băng truyền bằng cao su, + Tấm phủ sàn bằng cao su, + Cáp và sợi cao su, + Sợi cao su hoá, + Vòng, thiết bị phụ và chất gắn bằng cao su, + Trục cán bằng cao su, - Sản xuất ống cao su cứng; - Sản xuất lược cao su, lô cuốn tóc cao su và đồ tương tự - Sản xuất nguyên liệu sửa chữa cao su; - Sản xuất sản phẩm dệt được tráng, phủ cao su với cao su là thành phần chính;	2219
3.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
4.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển Chi tiết: Sản xuất máy giám sát hành động;	2651
5.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học Chi tiết: Sản xuất camera	2670
6.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
7.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
8.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
9.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
10.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
11.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
12.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100

13.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
14.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
15.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
16.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
17.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
18.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
19.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
20.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
21.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
22.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
23.	Xây dựng nhà để ở	4101
24.	Xây dựng nhà không để ở	4102
25.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
26.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
27.	Xây dựng công trình điện	4221
28.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
29.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
30.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
31.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
32.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
33.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
34.	Phá dỡ	4311
35.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
36.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
37.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
38.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
39.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá tài sản)	4511
40.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (trừ đầu giá tài sản)	4512

41.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá tài sản)	4513
42.	Bán mô tô, xe máy (trừ đầu giá tài sản)	4541
43.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đầu giá tài sản)	4530
44.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đầu giá tài sản)	4543
45.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa (trừ đầu giá tài sản)	4610
46.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
47.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
48.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
49.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
50.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
51.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;	4649
52.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn nhựa tổng hợp; - Bán buôn cao su; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);	4669
53.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
54.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
55.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
56.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;	4773
57.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
58.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
59.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
60.	Xuất bản phần mềm	5820
61.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
62.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
63.	Cho thuê xe có động cơ	7710
64.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410

65.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn chuyển giao công nghệ;	7490
66.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
67.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: - Sản xuất quạt không dùng cho gia đình; - Sản xuất máy lọc và máy tinh chế, máy móc cho hoá lỏng; - Sản xuất máy cán láng hoặc máy cuộn và trục lăn (trừ cho kim loại và thuỷ tinh); - Sản xuất máy ly tâm (trừ máy tách kem và sấy khô quần áo); - Sản xuất miếng đệm và miếng hàn tương tự được làm từ kim loại hỗn hợp hoặc lớp kim loại đó; - Sản xuất các bộ phận cho máy có những mục đích chung; - Sản xuất quạt thông gió (quạt đầu hồi, quạt mái);	2819
68.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy) Chi tiết: tuabin gió	2811
69.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động Chi tiết: - Sản xuất bi rời, ổ bi, vòng bi tròn và các chi tiết khác; - Sản xuất thiết bị truyền tải năng lượng cơ khí như: + Truyền trục và quay: trục cam, tay quay, lắc quay tay... + Trục phẳng, bánh răng chuyển động ma sát. - Sản xuất bánh răng, hệ thống bánh răng và hộp số, các hộp thay đổi tốc độ khác; - Sản xuất khớp ly hợp và trục nối; - Sản xuất bánh đà và ròng rọc; - Sản xuất dây xích có khớp nối; - Sản xuất dây xích chuyển động bằng năng lượng.	2814
70.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng Chi tiết: Sản xuất thang máy hoạt động liên tục và băng tải sử dụng dưới đất;	2824
71.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa Chi tiết: Gạch, ngói chịu lửa	2391
72.	Đúc sắt, thép Chi tiết: + Đúc sản phẩm sắt bán thành phẩm, + Đúc khuôn sắt, + Đúc khuôn sắt graphit hình cầu, + Đúc khuôn sắt dát mỏng, + Đúc khuôn thép bán thành phẩm, + Đúc khuôn thép, + Sản xuất ống, vòi và các đồ làm mối nối bằng sắt đúc, + Sản xuất ống thép không mối nối và ống thép qua đúc li tâm, + Sản xuất đồ làm mối nối ống, vòi bằng thép đúc	2431
73.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm) Chi tiết: - Sản xuất lò hơi hoặc lò hơi nước khác; - Sản xuất các thiết bị phụ gắn với lò hơi nước như : Bộ phận góp hơi và tích lũy hơi, bộ phận làm sạch cặn nước, bộ phận phục hồi khí và dụng cụ cạo cặn lò hơi; - Sản xuất lò phản ứng nguyên tử, trừ tách chất đồng vị; - Sản xuất các bộ phận cho tàu thuỷ chạy bằng sức nước.	2513

74.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác Chi tiết: - Sản xuất máy bơm không khí hoặc chân không, máy nén khí và gas khác; - Sản xuất máy bơm cho chất lỏng, có hoặc không có thiết bị đo; - Sản xuất máy bơm thiết kế cho máy với động cơ đốt trong: bơm dầu, nước hoặc nhiên liệu cho động cơ mô-tô... Nhóm này cũng gồm: - Sản xuất vòi và van công nghiệp, bao gồm van điều chỉnh và vòi thông; - Sản xuất vòi và van vệ sinh; - Sản xuất vòi và van làm nóng; - Sản xuất máy bơm tay;	2813
75.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại Chi tiết: Sản xuất máy quay, cán, khoan, định dạng, nghiền	2822
76.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
77.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại Chi tiết: - Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất; - Sản xuất thùng chứa bằng kim loại cho nén và hoá lỏng khí đốt; - Sản xuất nồi hơi trung tâm và nồi cấp nhiệt.	2512
78.	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: - Sản xuất khung hoặc sườn kim loại cho xây dựng và các bộ phận của chúng (tháp, cột, cầu treo...); - Sản xuất khung kim loại công nghiệp (khung cho là hơi, thiết bị nâng và cầm tay...); - Sản xuất nhà đúc sẵn bằng kim loại như: Nhà di chuyển và các bộ phận tháo rời... - Sản xuất cửa kim loại, cửa sổ và khung của chúng, cửa chớp, cổng; - Vách ngăn phòng bằng kim loại.	2511
79.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: - Mạ, đánh bóng kim loại... - Xử lý kim loại bằng phương pháp nhiệt; - Phun cát, trộn, làm sạch kim loại; - Nhuộm màu, chạm, in kim loại; - Phủ á kim như: Tráng men, sơn mài... - Mài, đánh bóng kim loại; - Khoan, tiện, nghiền, mài, bào, đục, cưa, đánh bóng, hàn, nối... các phần của khung kim loại; - Cắt hoặc viết lên kim loại bằng các phương tiện tia lazer.	2592(Chính)
80.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ HỒNG THANH	Thôn Đồng Lạng, Xã Ngọc Thiện, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	165.000	1.650.000.000	33,000	121920492	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	165.000	1.650.000.000	33,000		
2	NGUYỄN VĂN LINH	Thôn Xuân Tân 1, Xã Cao Xá, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	170.000	1.700.000.000	34,000	121854594	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	170.000	1.700.000.000	34,000		

3	NGUYỄN VĂN KIỂM	Thôn Xuân Tân 2, Xã Cao Xá, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	165.000	1.650.000.000	33,000	121627206
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	165.000	1.650.000.000	33,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HỒNG THANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/06/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121920492

Ngày cấp: 28/11/2006

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đồng Lạng, Xã Ngọc Thiện, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đồng Lạng, Xã Ngọc Thiện, Huyện Tân Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang